

Bản án số: 03/2023/HS-ST
Ngày 10/01/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Cơ Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lâm Ngọc Minh
- Bà Nguyễn Thị Như Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Diệu Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Lê Phúc Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại Phòng xử án hình sự, trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 99/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

N T S (tên gọi khác: Không); sinh ngày 23/9/1969, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Hộ khẩu thường trú: xx (số mới xx) Phó Cơ Điều, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: x Đặng Trần Côn, phường xx, thành phố xxx, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N V H (chết) và bà Đ T K L (chết); bị cáo có vợ tên là L T T T, có một con sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam theo quyết định truy nã từ ngày 27/6/2022, đến ngày 06/7/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Ông N V C, sinh năm 1960; địa chỉ: x Dương Tử Giang, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Ông Đ A V, sinh năm 1958; địa chỉ: xx Gia Phú, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 05/8/1995 ông N V C gặp đối tượng N T S (làm nghề mua bán xe) trên đường Hoàng Đức Tương, Phường 4, Quận 11, nhờ đối tượng S bán xe mô tô Honda Dream II biển số 50H2-9931 với giá 05 cây 05 phân vàng loại 24K; đối tượng S đồng ý rồi lấy xe đi và hứa chiều cùng ngày sẽ mang vàng về trả cho ông C. Tuy nhiên, sau khi nhận được xe, đối tượng S chưa đem xe mô tô trên đi bán mà đi đánh bạc dưới hình thức đá gà thắng thua bằng tiền. Khi thua hết tiền, đối tượng S nảy sinh ý định bán xe máy Honda Dream II biển số 50H2-9931 để có tiền đánh bạc. Sau đó, đối tượng S đã bán xe cho ông Đ A V được 4,9 cây vàng 24K. Đối tượng S tiếp tục dùng toàn bộ số vàng này đánh bạc thua hết (đối tượng S không nhớ địa điểm đánh bạc do thời gian đã lâu). Sau đó, đối tượng S cắt liên lạc với ông C và bỏ trốn từ đó cho đến nay. Riêng ông C thì đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 trình báo vụ việc.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 11/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 11, kết luận: Trị giá của xe Honda Dream II màu nho biển số 50H2-9931 tại thời điểm tháng 8/1995 có giá là 26.500.000 đồng (tương đương 5,88 lượng vàng 24K).

Ngày 27/6/2022, bị can N T S bị bắt theo quyết định truy nã. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11, bị can N T S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng vụ án: Một xe mô tô biển số 50H2-9931, bị can S đã bán cho ông Đ A V vào tháng 8/1995 với giá 4,9 cây vàng 24K. Khi mua xe trên, ông V không biết xe do bị can phạm tội mà có. Tại Công văn số 420/VKS ngày 09/02/1996 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 thống nhất quan điểm của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đồng ý cho ông V được đăng ký sang tên chủ quyền xe 50H2-9931 với lý do việc mua bán xe trên là hợp pháp. Đến ngày 16/8/2005, ông V đã bán xe máy trên cho người tên Cái (không rõ lai lịch).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông N V C đã nhận đủ tiền bồi thường và có đơn bãi nại cho bị can S.

Tại Bản cáo trạng số 101/CT-VKSQ11 ngày 03/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 truy tố bị can N T S tội danh “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Tại phiên tòa, bị cáo N T S có lời khai phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Bị hại là ông N V C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đ A V vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra. Ông C đã được bị cáo bồi thường và có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Ông V không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trình bày lời luận tội, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù và đề nghị xử lý vật chứng như sau: Lưu vào hồ sơ vụ án một DVD chứa dữ liệu hình ảnh vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào ngày 05/8/1995, tại khu vực đường Hoàng Đức Tương, Phường 4, Quận 11, bị cáo N T S được ông N V C tin tưởng giao xe, nhờ bán xe mô tô hiệu Honda Dream II biển số 50H2-9931. Sau khi nhận được xe, bị cáo S nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã bán xe cho ông Đ A V lấy tiền sử dụng đi đánh bạc thua hết rồi bỏ trốn.

Tài sản bị chiếm đoạt là chiếc xe máy hiệu Honda Dream II biển số 50H2-9931 có giá trị tại thời điểm tháng 8 năm 1995 là 26.500.000 đồng.

Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nhằm mục đích bán lấy tiền chơi đánh bạc.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 1985, sửa đổi bổ sung năm 1991.

Tại thời điểm bị cáo bị điều tra, truy tố, xét xử thì Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật. Tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội quy định “*Các điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; quy định hình phạt nhẹ hơn, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đối với người đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích*”. Hành vi của bị cáo được quy định tại Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có mức hình phạt nhẹ hơn Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 1985, sửa đổi bổ sung năm 1991; do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử đối với bị cáo.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Bản thân bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật

nhưng vì tư lợi, lười lao động, nghiện đánh bạc, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để trừng trị và giáo dục bị cáo, đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã bồi thường thiệt hại nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Về xử lý vật chứng:

- Đối với vật chứng là một DVD chứa dữ liệu hình ảnh vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 107 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 xử lý lưu vào hồ sơ vụ án là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với vật chứng là một xe mô tô biển số 50H2-9931, bị cáo S đã bán cho ông Đ A V vào tháng 8/1995 với giá 4,9 cây vàng 24K. Khi mua xe trên, ông V không biết xe do bị cáo phạm tội mà có. Tại Công văn số 420/VKS ngày 09/02/1996 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 thống nhất quan điểm của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đồng ý cho ông V được đăng ký sang tên chủ quyền xe 50H2-9931 với lý do việc mua bán xe trên là hợp pháp. Đến ngày 16/8/2005, ông V đã bán xe máy trên cho người tên Cái (không rõ lai lịch). Do vật chứng không thu hồi được và bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Về trách nhiệm dân sự:

- Ông N V C đã được bị cáo N T S bồi thường và có đơn xin bãi nại cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đ A V không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo N T S, điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 11, kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 được phân công điều tra, kiểm sát giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của điều tra viên, kiểm sát viên. Do đó, có cơ sở để xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 38; Điều 50; điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo N T S phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo N T S 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án nhưng được trừ vào số ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/6/2022 đến ngày 06/7/2022.

Căn cứ khoản 2 Điều 107 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Lưu vào hồ sơ vụ án một DVD chứa dữ liệu hình ảnh vụ án.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND - VKSND TPHCM;
- Sở Tư pháp TPHCM;
- PC 27 - CA TPHCM;
- VKSND Q.11;
- Công an Q.11;
- Chi cục THADS Q.11;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Cơ Dũng